TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH CỬU** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **12**/2022/DS-ST
Ngày 26/5/2022.
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản;

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đường Anh Sơn;
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị Hảo;
Ông Huỳnh Bình.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Vạn - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Cao Kỷ Dương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 26 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 119/2021/TLST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2021, về việc "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 347/2022/QĐST-DS ngày 05 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1986;
Địa chỉ: Tổ 6, ấp Phú Q, xã L, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Đình A, sinh năm 1995;
Địa chỉ: 106, đường N15, Khu dân cư dịch vụ T, phường T, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2020. (có mặt)

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Kim P, sinh năm 1992; (vắng mặt)
Địa chỉ: Tổ 14, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/7/2020, ngày 15/10/2020 và trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N do ông Lê Đình A, là người đại diện theo ủy quyền trình bày*:

Bà Nguyễn Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Kim P là bạn bè quen biết nhau thông qua một số người quen. Trong thời gian quen biết, hai người dần trở nên thân thiết và thường xuyên giúp đỡ nhau trong cuộc sống. Trong khoảng thời

gian từ tháng 7/2019 tới tháng 10/2019, bà N có cho bà P vay tiền để làm ăn, kinh doanh. Số tiền Bà P vay là tiền của cá nhân bà N không liên quan đến gia đình hay cá nhân nào khác.

Tổng số tiền bà P vay của bà N là 534.500.000đ (Năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), các lần vay tiền cụ thể như sau:

Lần 1: Ngày 10/7/2019, bà N cho bà P vay số tiền 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 năm. Việc vay tiền được thể hiện tại "Giấy vay tiền không lãi suất" do bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 10/7/2019.

Lần 2: Ngày 15/8/2019, bà N cho bà P vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 năm. Việc vay tiền được thể hiện tại "Giấy vay tiền" do bà P lập ký nhận ngày 15/8/2019.

Lần 3: Ngày 21/10/2019, bà N cho bà P vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 10 ngày. Việc vay tiền được thể hiện tại "Giấy vay tiền không lãi suất" do bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 21/10/2019.

Lần 4: Ngày 21/10/2019, bà N cho bà P vay số tiền 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 tháng. Việc vay tiền được thể hiện tại "Giấy vay tiền không lãi suất" do bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 21/10/2019.

Khi hết thời hạn vay của lần vay tiền thứ 3 và thứ 4, do không thấy bà P tới trả tiền, nên bà N đã liên hệ với bà P để yêu cầu bà P trả lại cho bà N số tiền trên. Tuy nhiên, bà P liên tục trốn tránh, không chịu gặp bà N. Sau nhiều lần tới gặp trực tiếp mà không gặp được, bà N tiếp tục gọi điện thoại nhưng bà P không nghe máy, cũng không liên hệ lại. Từ đó tới nay bà N đã rất nhiều lần liên hệ với bà P nhưng đều không được. Tính đến thời điểm bà N nộp đơn khởi kiện thời hạn vay của các khoản vay trên đã hết, nhưng bà P vẫn chưa trả được cho bà N một khoản tiền nào.

Nhận thấy, hành vi trên của bà Nguyễn Thị Kim P vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của bên vay, xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của bà N. Vì vậy, bà N làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền vay nợ gốc 534.500.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả tạm tính từ ngày 16/8/2020 (ngày đến hạn của số tiền vay có thời hạn 01 năm, vay lần 2) đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử ngày 26/5/2022, làm tròn 21 tháng, với lãi suất 10%/năm là 0,83%/tháng: 534.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 93.163.350 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

Về nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký và dấu vân tay với số tiền 3.000.000 đồng, bà N đã nộp xong.

** Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P trong quá trình tham gia tố tụng vắng mặt nên không văn bản trình bày ý kiến.*

* Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định pháp luật. Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; ông Lê Đình Anh người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự; bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P không chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự, vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền vay nợ gốc 534.500.000 đồng và tiền lãi suất chậm trả theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị Kim N có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về việc cho bà Nguyễn Thị Kim P vay tiền; nơi cư trú của bà P tại nhà không số, tổ 14, ấp 6, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật của vụ án là "Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản" và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

Bà N ủy quyền cho ông Lê Đình A, theo giấy ủy quyền ngày 15/7/2020. Việc ủy quyền được thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim P không có yêu cầu phản tố và đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia quá trình giải quyết vụ án, nhưng bà P vắng mặt từ thời điểm Tòa án thông báo thụ lý vụ án cho đến thời điểm Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử vụ án, nên bà P không có ý kiến trình bày. Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án số: 119/TB-TLVA ngày 15/11/2021; Giấy triệu tập số: 119/GTT ngày 24/12/2021; Bản sao đơn khởi kiện đề ngày 15/10/2020; Bản sao Giấy vay tiền không lãi suất đề ngày 10/7/2019, giữa bà Nguyễn Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Kim P; Bản sao Giấy vay tiền không lãi suất đề ngày 15/8/2019, giữa bà Nguyễn Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Kim P; Bản sao Giấy vay tiền không lãi suất đề ngày 21/10/2019, giữa bà Nguyễn Thị Kim N và bà Nguyễn Thị Kim P; Thông báo yêu cầu giao nộp tài liệu, chứng cứ số: 01/TB-TA ngày 24/12/2021; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ số: 05/TB-TA ngày 12/4/2022; nhưng cho đến nay bà P không phản đối những tình tiết, tài liệu, chứng cứ mà bên bà N đưa ra, cũng như do Tòa án thu thập được và bà P cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc bà P thay đổi nơi cư trú (vắng mặt tại nơi cư trú, nhưng còn nhà ở của gia đình tại xã Vĩnh Tân, theo Biên bản xác minh ngày 20/12/2021) với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho bà N biết về nơi cư trú, làm việc mới theo quy

định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định của pháp luật.

Về chứng cứ của vụ án: Tòa án đã đảm bảo việc công khai toàn bộ tài liệu, chứng cứ có trong hồ vụ án theo quy định tại các Điều 208, 209, 210 và 211 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn cam kết không có tài liệu, chứng cứ nào khác và tại phiên tòa cũng không bổ sung thêm chứng cứ nào khác.

[2] Về nội dung tranh chấp: Trong khoảng thời gian từ tháng 7/2019 đến tháng 10/2019, bà Nguyễn Thị Kim P có vay của bà Nguyễn Thị Kim N với tổng số tiền là 534.500.000 đồng, theo 04 giấy vay tiền vào các ngày 10/7/2019, ngày 15/8/2019, ngày 21/10/2019 (vay 02 lần). Khi hết thời hạn vay của lần vay tiền thứ 3 và thứ 4, do không thấy bà P tới trả tiền, nên bà N đã liên hệ với bà P để yêu cầu bà P trả lại cho bà N số tiền trên. Tuy nhiên, bà P liên tục trốn tránh, không chịu gặp bà N. Sau rất nhiều lần liên lạc với bà P nhưng không được, sự việc phát sinh tranh chấp nên bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim N là có căn cứ, bởi lẽ: Theo các giấy vay tiền thể hiện tổng số tiền bà Nguyễn Thị Kim N cho bà Nguyễn Thị Kim P vay là 534.500.000 đồng, cụ thể:

Lần 1: Ngày 10/7/2019, bà N cho bà P vay số tiền 184.000.000đ (Một trăm tám mươi bốn triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 năm. Bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 10/7/2019.

Lần 2: Ngày 15/8/2019, bà N cho bà P vay số tiền 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 năm. Bà P lập ký nhận ngày 15/8/2019.

Lần 3: Ngày 21/10/2019, bà N cho bà P vay số tiền 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 10 ngày. Bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 21/10/2019.

Lần 4: Ngày 21/10/2019, bà N cho bà P vay số tiền 70.500.000đ (Bảy mươi triệu năm trăm ngàn đồng), vay không lãi suất, thời hạn vay 01 tháng. Bà P lập ký nhận và lăn tay ngày 21/10/2019.

Tại Kết luận giám định số: 121/KLGĐ-PC09 ngày 03/3/2022 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Đồng Nai, kết luận:

1. Chữ viết trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký kiệu M1, M2) do cùng một người viết ra.

2. Chữ viết và chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kim P trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A1) so với chữ viết và chữ ký mang tên Nguyễn Thị Kim P trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký kiệu M1, M2) do cùng một người ký và viết ra.

3. Điểm chỉ vân tay (đánh số 4) trên tài liệu nêu ở phần mẫu cần giám định (ký hiệu A2) với điểm chỉ vân tay (đánh số 2, 4) trên các tài liệu nêu ở phần mẫu so sánh (ký kiệu M1, M2) là điểm chỉ vân tay do cùng một người in ra.

Như vậy, có đủ cơ sở xác định bà Nguyễn Thị Kim P có vay của bà N tổng số tiền 534.500.000đ (Năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng). Việc cho vay có lập giấy vay tiền nên phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên cần phải thực hiện theo nội dung đã thỏa thuận. Bà P không trả tiền đúng như cam kết. Bà N yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà P phải trả nợ vay gốc và lãi suất chậm trả là có cơ sở, đúng với quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập tài liệu, chứng cứ và đã thông báo đầy đủ kết quả thu thập được tài liệu, chứng cứ cho các đương sự biết để thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng bà P không có ý kiến phản hồi, cố tình vắng mặt nên xem như đã từ chối cung cấp tài liệu, chứng cứ để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình là mặc nhiên thừa nhận nợ.

[4] Từ những phân tích trên, căn cứ theo quy định tại các Điều 463, 466 và 468 của Bộ luật dân sự, nhận thấy việc bà Nguyễn Thị Kim N khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, giữa bà N và bà Nguyễn Thị Kim P là có cơ sở để chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải trả cho bà N tổng số tiền là 627.663.350đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng). Trong đó:

- Tiền vay gốc: 534.500.000 đồng;

- Tiền lãi suất chậm trả tính từ ngày 16/8/2020 (ngày đến hạn của số tiền vay có thời hạn 01 năm, vay lần 2) đến ngày Tòa án mở phiên tòa xét xử ngày 26/5/2022, làm tròn 21 tháng, với lãi suất 10%/năm là 0,83%/tháng: 534.500.000 đồng x 0,83%/tháng x 21 tháng = 93.163.350 đồng;

Bà Nguyễn Thị Kim P tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trong giai đoạn thi hành án.

[5] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký và điểm chỉ vân tay với số tiền 3.000.000 đồng, bà N đã nộp đủ số tiền này.

[6] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận, nên bị đơn bà P phải nộp án phí số tiền là 29.106.500đ (Hai mươi chín triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng). Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N do nguyên đơn không phải chịu án phí.

[7] Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 161, Điều 207, Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 243, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự. Điểm a khoản 1, khoản 2, 3 Điều 5; điểm a khoản 2 Điều 6 của Nghị quyết số: 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim N.

Buộc bà Nguyễn Thị Kim P phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền 627.663.350đ (Sáu trăm hai mươi bảy triệu sáu trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Trong đó: Nợ vay gốc 534.500.000đ (Năm trăm ba mươi bốn triệu năm trăm ngàn đồng), tiền lãi suất chậm trả 93.163.350đ (Chín mươi ba triệu một trăm sáu mươi ba ngàn ba trăm năm mươi đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn tự nguyện chịu chi phí giám định chữ viết, chữ ký và điểm chỉ vân tay với số tiền 3.000.000đ (Ba triệu đồng), bà Nguyễn Thị Kim N đã nộp đủ số tiền này.

3. Về án phí DS-ST: Bà Nguyễn Thị Kim P phải nộp tiền án phí là 29.106.500đ (Hai mươi chín triệu một trăm lẻ sáu ngàn năm trăm đồng). Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị Kim N số tiền tạm ứng án phí 12.908.700đ (Mười hai triệu chín trăm lẻ tám ngàn bảy trăm đồng) đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003334 ngày 30/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; bị đơn không có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đường Anh Sơn